

BÀI 9: CÁCH CHẤM CÂU (P 1)

Trong ngôn ngữ hằng ngày, ta có thể tùy theo cảm hứng mà nói nhanh, nói chậm; lên giọng, xuống giọng; lúc tỏ vẻ tha thiết, say sưa; lúc hững hờ, lạnh nhạt. Muốn diễn tả những cung bậc tình cảm, những tiết điệu đó trong văn chương, người ta dùng các dấu chấm câu thay cho giọng nói.

Trong bài Cách chấm câu (phần 1), chúng ta sẽ tìm hiểu về

CHỨC NĂNG CỦA MỖI DẤU CÂU

1. Dấu hỏi

a. Dấu hỏi dùng ở cuối câu nghi vấn.

Thí dụ:

- Anh có thích môn Tiếng Việt không?

b. Dấu hỏi (có thể lặp lại hai hay ba lần) thay cho lời đòi thoại biểu lộ sự ngạc nhiên khiến người ta không nói được. Nó có nghĩa là “Tại sao? Thật hả?”

Thí dụ:

- Anh ơi, mẹ mất rồi!

- ???

c. Khi một câu có mệnh đề nghi vấn là mệnh đề phụ, ta không được đánh dấu hỏi, nếu mệnh đề chính làm chủ trong câu không có tính cách nghi vấn.

Thí dụ:

- Tôi không biết anh tôi đã đến Paris hay chưa.

d. Dấu hỏi dùng sau mỗi chi tiết diễn tả một phần câu, giữa câu và cuối câu nghi vấn. Sau chấm hỏi ở giữa câu không viết hoa vì chưa hết câu.

Thí dụ:

**Bạn đã tìm thấy vật ấy ở đâu?
lúc nào?
và tại sao lại có ý đi tìm vật ấy?**

2. Dấu cảm

a. Dấu cảm dùng để bày tỏ sự tức giận, đau khổ, thương xót, ngạc nhiên hoặc vui mừng. Dấu cảm đặt ở cuối câu cầu khiến, câu cảm thán, câu chào gọi.

Thí dụ:

**- Ôi! Giờ biệt ly sao mà buồn thế!
- A! Mẹ đã về!
- Thương thay cũng một kiếp người!
- Thế này thì tức thật!**

b. Dấu cảm được lặp lại hai hay ba lần, để biểu thị một cảm xúc mạnh.

Thí dụ:

**- Biết rồi! Biết rồi! Khô lắm!... Nói mãi!!!
(Vũ Trọng Phụng)**

c. Dấu cảm được lặp lại thay lời nói của nhân vật để biểu thị một tâm trạng quá xúc động.

Thí dụ:

Người mẹ hỏi cô bé:

- Đứa nào đánh con?

Cô bé nức nở:

- !!!

d. Dấu cảm dùng kèm với dấu hỏi để diễn tả trạng thái tâm lý vừa nghi vấn vừa ngạc nhiên. Không để dấu cảm trước dấu hỏi vì khi đã cảm là xác định, không còn nghi vấn nữa.

Thí dụ:

Thúy đau khổ gào thét: “Sao con tôi lại chết?!”

đ. Dấu cảm dùng kèm với dấu chấm lửng để kéo dài thêm trạng thái cảm thán.

Thí dụ:

Bây giờ mới biết là cu cậu chết!...

e. Dấu cảm trong ngoặc đơn (!) đặt sau một ý tỏ thái độ châm biếm.

Thí dụ:

“Không một mục tử nào đi chặn chiên mà thắt cà vạt áo vét chân mang giày đinh, nhưng mặc áo chặn chiên tay cầm gậy và đi trước đàn chiên; không một mục tử nào khi dạy dỗ con chiên mà la mắng chiên ngu như bò (!) nhưng trái lại ân cần chăm sóc từng con chiên”
(Lm. Nhân Tài, Công dung ngôn hạnh của Linh mục Chúa Kitô).

3. Dấu chấm

a. Dấu chấm dùng để kết thúc câu tường thuật.

Thí dụ:

- Tôi rất thích môn Tiếng Việt.
- Cây phượng nở hoa.
- Anh xử sự như thế là rất có tình.

- Ý kiến của anh thật xác đáng.

b. Trong câu tường thuật, nội dung nghi vấn, cầu khiến, cảm thán có thể được dẫn một cách gián tiếp thì cuối câu vẫn dùng dấu chấm chứ không dùng các dấu hỏi, dấu cảm.

Thí dụ:

Pha không biết đáp câu hỏi vô lý ấy như thế nào.
Người lính lệ vừa bảo anh cứ vào, lại hỏi anh đi đâu.
Thật là khó hiểu quá.

4. Dấu phẩy

a. Dấu phẩy để tách rời hai tiếng.

Thí dụ:

Hãy dạy con cái biết nói lời *xin lỗi, cảm ơn*.

b. Dấu phẩy đặt sau những trạng từ đứng ở đầu câu: *hôm qua, ngày xưa, sau này...*

Thí dụ:

Ngày xưa, có anh Trương Chi.
Sau này, nếu có tiền, tôi sẽ đi du lịch vòng quanh thế giới.

c. Dấu phẩy đặt sau những tập hợp liên từ đứng đầu câu như: *thành thử, bởi thế, vì vậy, vả chăng, vả lại, hướng chi, tuy nhiên...*

Thí dụ:

Tất cả thanh niên phải nhập ngũ.
*Tuy nhiên, những thanh niên kém sức khỏe
sẽ được hoãn dịch một thời gian.*

d. Dấu phẩy đặt sau trạng ngữ, hô ngữ, cảm thán ngữ, chuyển tiếp ngữ, đề ngữ.

Thí dụ:
*Trong tình yêu, nam đi tìm nữ,
chứ không có lệ nữ đi tìm nam:
“Trâu tìm cột, chứ cột nào tìm trâu”.*
(Lm. Hồng Nguyên, Tình không như là mơ)

*Mẹ ơi,
tiền con để ở trong cái túi xách này mà sao mất tiêu.
Mẹ có lấy không? Chắc nhà này có ma quá à.*
(Lm. Piô Ngô Phúc Hậu, Viết cho em)

Trời ơi, sao con nghịch thế?

Quyển sách ấy, tôi đọc rồi.

Lưu ý: Nếu trạng ngữ, chuyển tiếp ngữ đứng ở giữa chủ ngữ và vị ngữ thì phải dùng hai dấu phẩy.

Thí dụ:
*Lá cờ Nước của ta, trên đỉnh cao thành Thăng Long, bay phất phới giữa
trời xanh lồng lộng.*

đ. Dấu phẩy không đặt ở chữ sau chót trong phép liệt cử (trường hợp tiếng đơn).

Thí dụ:
Nam, bắc, đông, tây đều tới cửa,

Trẻ, già, lớn, bé cũng xưng thầy.
(Lê Thánh Tôn, Người ăn mày)

e. Dấu phẩy chia nhiều mệnh đề cùng thuộc về một loại, cùng đóng một vai trò giống nhau trong câu văn. Nhưng phải có chữ “và” sau dấu phẩy cuối cùng.

Thí dụ:

Mọi người cần phải chiến đấu chống lại những tai họa ấy:
nông phu chiến đấu nơi đồng ruộng,
bác sĩ chiến đấu nơi bệnh viện,
và chiến binh chiến đấu ngoài sa trường.

g. Thư tín, đơn từ, văn hành chánh: Dấu phẩy xuống hàng sau câu thưa hay sau đoạn giới thiệu. Vẫn phải viết hoa đầu câu sau dấu phẩy xuống hàng.

Thí dụ:

Thưa Ông Hiệu trưởng,

Tôi ký tên dưới đây là Nguyễn Văn Tý, cha của học sinh Nguyễn Văn Tèo, học lớp Tám tại quý trường,

Trân trọng xin Ông Hiệu trưởng cho phép...

5. Dấu chấm phẩy

a. Dấu chấm phẩy chia một câu quá dài thành nhiều phần câu, trong mỗi phần câu có thể đã dùng dấu phẩy rồi. Dùng liệt kê, xếp loại thứ tự. Viết hoa đầu câu sau dấu chấm phẩy xuống hàng.

Thí dụ:

Hồ sơ ứng thí gồm có:

1. Đơn xin phải đánh máy, không được viết tay;
2. Trích lục khai sinh, bản sao vì không hoàn lại;

3. Bản sao văn bằng Trung học, nếu có.

b. Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách từng vế diễn đạt cùng một loại ý đang liệt kê nối tiếp nhau.

Thí dụ:

Khi bé, tôi là con của cha mẹ;
lớn lên, tôi là con của quốc gia.

c. Dấu chấm phẩy dùng trước từ nối hay từ chuyển tiếp.

Thí dụ:

Con nay đã trưởng thành;
tuy nhiên, con vẫn là bé con của mẹ.

6. Dấu hai chấm

a. Dấu hai chấm, báo trước một điều sẽ giải thích, cắt nghĩa hay chứng minh:

Thí dụ:

“Chúa Giêsu đã nêu mẫu gương về việc cầu nguyện: Người lên núi cầu nguyện một mình. Người cầu nguyện suốt đêm. Người cầu nguyện 40 đêm ngày. Người cầu nguyện trong hoang địa, nơi vườn Cây Dầu, trên thánh giá...”

(Thiên Phúc, Lời gọi yêu thương)

b. Dấu hai chấm, đặt trước các thành phần được liệt kê.

Thí dụ:

“Cái vòng luẩn quẩn:
ma túy, tình dục, AIDS,
tội phạm dẫn đến cái chết bi đát cho nhiều thanh thiếu niên”

(Manna năm B, Lm. Nguyễn Cao Siêu)

c. Dấu hai chấm, đặt trước lời nói trực tiếp của nhân vật.

Thí dụ:

Thế này nhé.

Lương của bố chỉ bấy nhiêu thôi,
nếu xăng lên giá thì cái gì sẽ giảm bớt đi?

Cậu con trai thưa:

- Bố phải giảm hút thuốc.

Ông bố đôi co:

- Nếu vẫn chưa đủ thì sao?

Ông con cũng không vừa:

- Mẹ phải giảm thoa kem.

d. Dấu hai chấm, đặt trước lời nói gián tiếp (không dùng dấu ngoặc kép).

Thí dụ:

“Tôi nghĩ bụng: Chuyện an toàn thực phẩm đúng là truyện dài nhiều tập, nào là bánh phở có chất phọc môn, nào là nước mắm Chinsu có chất gây ung thư quá nồng độ cho phép, nào là phẩm màu trong thức ăn. Thôi thì hồn ai nấy giữ, trông chờ vào ông Nhà nước “An toàn thực phẩm” thì có ngày ra nghĩa địa mà kiện con giun”

(Thiên Phúc, Quà tặng cho đôi tân hôn)

e. Dấu hai chấm diễn tả mối tương quan nhân quả giữa hai ý tưởng hay nhiều ý tưởng. Nó tương đương với từ “vì vậy, cho nên, vì thế, do đó...)

Thí dụ:

Anh Ba buồn bán thua lỗ lại đau ốm liên miên:
anh chợt có ý tự sát.

7. Dấu gạch ngang

a. Dấu gạch ngang đặt trước lời nói trực tiếp trong văn đối thoại.

Thí dụ:

- Thà mẹ thấy con chết hơn là thấy con nói dối. Vì nói dối là tỏ ra khiếp nhục.
- Con thề với mẹ, suốt đời con sẽ không bao giờ nói dối nữa.
- Có thể mẹ mới đủ can đảm để sống với con.

b. Dấu gạch ngang dùng để phân rõ nghĩa phụ thích. Nó thay dấu ngoặc đơn.

Thí dụ:

Cha cô Hậu – vai chính trong truyện – vì tham lợi trong làng, rồi vì thua kiện, phải đi làm phu mỏ và chết trong một nạn sụp hầm.

c. Dấu gạch ngang dùng để nhấn mạnh chứ không phụ thích, lúc đó, nó có công dụng mạnh hơn dấu ngoặc đơn.

Thí dụ:

“Họ đói. Họ bị hãm vào một cảnh túng quẫn quá độ. Giữa lúc ấy, có người – mà hạng người này bao giờ mà chẳng có? – đưa tay dắt họ cho họ cơm ăn, áo mặc và giải quyết cho họ cái bối rối đang giày vò họ”.

(Trương Tửu)

d. Dấu gạch ngang dùng để thay dấu phẩy.

Thí dụ:

“Vây một bông hoa đã nở, ta hãy chịu để cho nhà thơ ấy (Xuân Diệu) cứ trở nên là “mình” – với tất cả cái bản sắc của mình”.

(Lưu Trọng Lư)

đ. Dấu gạch ngang đặt ở đầu những bộ phận liệt kê, mỗi bộ phận được trình bày riêng thành một dòng.

Thí dụ:

Theo ý tôi, một bài giảng đúng nghĩa phải:

- Giải thích Lời Chúa của ngày lễ ấy.
- Gợi ý để thánh giả áp dụng vào cuộc sống.
- Thúc đẩy người nghe đem ra thực hành.

e. Dấu gạch ngang đặt ở giữa một số danh từ riêng, hay ở giữa hai con số ghép lại để biểu thị một liên danh, liên số.

Thí dụ:
Tình hữu nghị Việt – Mỹ.
Thời kỳ 1930 – 1945.

8. Dấu ngoặc đơn

a. Dấu ngoặc đơn dùng để phân những nghĩa riêng ở giữa câu.

Thí dụ:
Cha chánh xứ (*mục tử nhân hiền*) luôn luôn quan tâm chăm sóc cho đoàn chiên.

b. Dấu ngoặc đơn dùng để ghi chú tên tác giả, dịch giả, tác phẩm sau một đoạn trích.

Thí dụ:
“Ngày thành hôn là khởi điểm cho cuộc hành trình vừa mở lối, ngày Tình yêu lên đường. Tình yêu đi tới đâu sẽ biến thửa đất thành ruộng mạ tới đó. Nhưng Tình yêu ấy có thể vươn lên tột đỉnh non cao, mà cũng có thể rơi xuống đáy sâu vực thẳm”.
(Thiên Phúc, Quà tặng cho đôi tân hôn)

c. Dấu ngoặc đơn dùng để ghi chú thái độ, cử chỉ của nhân vật trong văn bản kịch.

Thí dụ:
Hiền (*nức nở*): Khổ em quá chị ơi!

9. Dấu ngoặc kép

a. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

Thí dụ:

Vợ hỏi chồng: “Con chó của chúng ta đâu rồi?” Ông lắc đầu: “Đuổi theo xe lửa rồi, nhưng có bao giờ đuổi kịp đâu!” Bà đòi co: “Giả sử nó đuổi kịp thì sao?” Ông đáp: “Nếu có đuổi kịp cũng chẳng làm gì, chỉ nhọc xác mà thôi!”

(Thiên Phúc, Hạnh phúc thật).

b. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu những lời nói có sẵn, như: Kinh Thánh, danh ngôn, khẩu hiệu, ca dao, tục ngữ, v.v..

Thí dụ:

“Trước sự đau khổ của thế gian, tay Chúa không khoanh trước ngực, mà giang lên trên cây thập giá”.

(Roland de Pury)

c. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu những từ do người khác dùng để tỏ thái độ châm biếm, mỉa mai của người viết.

Thí dụ:

Khi Sóng Hồng chế diễu các nhà “thơ mới”: Thi sĩ nghĩa là nhân với mếu.

d. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu tên tác phẩm, tên sách, tên tài liệu.

Thí dụ:

- Thầy ơi! Cha Piô Ngô Phúc Hậu mới xuất bản cuốn “Viết cho em”. Vậy “em” là ai vậy thầy?

đ. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ chỉ nghĩa bóng.

Thí dụ:

- Chân thành là “hòn” của lễ phép.
(Thiên Phúc, Nhân bản Kitô giáo)

- Thời nay, buôn bán khó khăn hơn trước, thương trường chẳng khác gì “chiến trường”.

10. Dấu chấm lửng

a. Dấu chấm lửng biểu thị ý bỏ lửng.

Thí dụ:

“Tôi cụt hứng... Em ra về, tỉnh bơ. Tôi lên phòng, buồn man mác”
(Lm. Piô Ngô Phúc Hậu, Viết cho em).

b. Dấu chấm lửng biểu thị nội dung vẫn còn nhưng không nói hết.

Thí dụ:

“Yêu thương nhau không đòi hỏi những điều cao xa, chỉ cần một nụ cười tươi nở, một vòng tay ấm áp, một quà tặng nho nhỏ... Những điều tuy đơn giản ấy, vậy mà lại mang đến những hiệu quả bất ngờ”
(Thiên Phúc, Quà tặng cho đôi tân hôn).

c. Dấu chấm lửng biểu thị lời nói bị đứt quãng vì xúc động, uất ức, ghen ngào.

Thí dụ:

Con đến xin cụ cho con đi ở tù,
mà nếu không được thì... thì... thưa cụ...
(Nam Cao)

d. Dấu chấm lửng biểu thị một số ngắt đoạn chuẩn bị cho một ý châm biếm, hài hước.

Thí dụ:

“Vô phúc cho giáo xứ nào có ông cha sở cả ngày nhăn nhó cái mặt,
vì họ sẽ được giáo huấn bằng sự... nhăn nhó”
(Lm. Nhân Tài, Công dung ngôn hạnh của Linh Mục Chúa Kitô).

đ. Dấu chấm lửng dùng để ghi lại chỗ kéo dài của âm thanh.

Thí dụ:

Mẹ ơi! Chết con! Chết con! Chết con!...

e. Dấu chấm lửng đặt trong ngoặc đơn (...) dùng để biểu thị người trích có lược bớt câu văn trích.

Thí dụ:

Đức cố Hồng y PX Nguyễn Văn Thuận, trong cuốn sách Đường Hy Vọng, đã viết: “*Gia đình Công Giáo làm tông đồ bằng tiếp đón. Mở rộng nhà các con và đồng thời mở rộng lòng các con. (...) Các con hãy sống và làm cho những ai đến gia đình các con đều thêm sống như các con*”
(ĐHV Số 503).

11. Dấu gạch xiên (chéo)

a. Dấu gạch xiên (/) dùng để chỉ rõ phạm vi của đối tượng:

Thí dụ:

QĐ/CTN (Quyết định/Chủ tịch nước)

UBTTXH/HĐGMVN (Ủy ban Truyền Thông Xã Hội/Hội đồng Giám mục Việt Nam)

b. Dấu gạch xiên (/) dùng để chỉ đơn vị:

Thí dụ:

75km/giờ

c. Dấu gạch xiên (/) dùng để chỉ sự chọn lựa: thay thế cho từ “hay”, từ “hoặc”.

Thí dụ:
Nên nói chuyện với vợ/chồng
Hãy tự nhắc nhở mình rằng, cứ để cô ấy/anh ấy vui là được.

d. Dấu gạch xiên (/) dùng thay cho việc xuống hàng (trong các câu thơ).

Thí dụ:
“Con rận bằng con ba ba / Đêm nằm nó ngứa cả nhà thất kinh”.
(Ca dao)

“Lỗ mũi em tám gánh lông / Chồng yêu chồng bảo tơ rồng trời cho /
Đêm nằm thì ngứa o o / Chồng yêu chồng bảo ngứa cho vui nhà / Đi chợ
thì hay ăn quà / Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm / Trên đầu những
rác cùng rơm / Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu”.
(Ca dao)